

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1229/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
Về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Lê Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Minh Tấn
- Bà Ngô Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kiều Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27/V024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52V024/TLST-DS ngày 20/5/2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 336/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2024/QĐST-DS ngày 09/V024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở: Số E Q, phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông S – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T.

Địa chỉ trụ sở: Phòng số U, Tầng X, Tòa nhà số B T, phường H, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Thành N
(Theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2024 của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích N1, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số V D, Phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông N có mặt, bà N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/04/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M là ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày như sau:

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) (Sau đây viết tắt là “Công ty M”) và bà Nguyễn Thị Bích N1 có ký Hợp đồng tín dụng số 4147485 ngày 21/12/2022 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Bích N1 với khoản vay 21.540.000 đồng, lãi suất 48%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty M đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị Bích N1, số tiền giải ngân được Công ty M chuyển vào tài khoản cá nhân của bà N1. Theo hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị Bích N1 có nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 1.245.930 đồng trong kỳ hạn 30 tháng, kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/06/2025 cho Công ty M.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay, bà N1 chỉ thanh toán trả góp cho Công ty M được 02 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 2.515.000 đồng. Ngày 26/02/2023 đến nay, bà N1 đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty M.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên Công ty nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc bà Nguyễn Thị Bích N1 thanh toán cho Công ty M tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 27/V024 là: 39.463.138 đồng. Trong đó:

Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.612.505 đồng.

Số tiền lãi trong hạn: 11.955.809 đồng.

Số tiền lãi quá hạn: 5.845.284 đồng.

Số tiền lãi chậm trả: 1.049.540 đồng.

Đồng thời, bà Nguyễn Thị Bích N1 còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/V024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 vắng mặt và không có bản tự khai, không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Nguyễn Thành N trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/V024 là: 39.463.138 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 20.612.505 đồng, số tiền lãi trong hạn: 11.955.809 đồng, số tiền lãi quá hạn: 5.845.284 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.049.540 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn thanh toán lãi phát sinh kể từ ngày 28/V024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N1 trả nợ theo bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147485 ngày 19/12/2022 đã ký kết giữa các bên. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng và bị đơn có nơi cư trú tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo các quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a

Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Bích N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa án làm việc, Thông báo tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1 vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 91, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích N1.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán nợ gốc là 20.612.505 đồng:

Nguyên đơn Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phù hợp quy định tại khoản 3, điểm b khoản 12, khoản 14 Điều 4, khoản 1 Điều 6 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Thông tư số 3V016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (Sau đây viết tắt là Thông tư số 3V016/TT-NHNN).

Căn cứ vào bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147485 ngày 19/12/2022 đã ký kết giữa Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) và bà Nguyễn Thị Bích N1, Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT-CA cho bà Nguyễn Thị Bích N1, các chứng từ theo dõi nợ do nguyên đơn nộp cho Tòa án và lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì đã có đủ cơ sở kết luận:

Theo bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147485 ngày 19/12/2022 mà bà N1 đã ký thể hiện đây là Hợp đồng điện tử theo quy định tại Điều 33 Luật Giao dịch điện tử năm 2005. Hợp đồng có nội dung bà N1 đề nghị Công ty M cho vay số tiền 21.540.000 đồng, thời hạn vay: từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 15/06/2025, lãi suất: 48%/năm, kỳ hạn thanh toán: 30 tháng kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/6/2025. Xét thấy, các bên tham gia xác lập giao dịch dân sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức của giao dịch được xác lập thông qua phương thức điện tử phù hợp với các quy định tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 1, Điều 22, Điều 34, Điều 35, Điều 36 Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Điều 23, Điều 32c, Điều 32e Thông tư số 3V016/TT-NHNN. Do đó, Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn có hiệu lực pháp luật và có giá trị ràng buộc giữa các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã giải ngân 20.000.000 đồng vào tài khoản của số 0198427282303 bà Nguyễn Thị Bích N1 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo Phiếu báo nợ số giao dịch FT22355785414593 ngày 21/12/2022, và đồng thời chuyển phí bảo hiểm 1.540.000 đồng cho Tổng Công ty Cổ phần B (B) theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tai nạn nhóm người vay số hợp đồng MAFC/TNNNV/20221222/00045442 ngày 21/12/2022. Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn hai kỳ vào ngày 18/01/2023 và 25/02/2023, tổng số tiền 2.515.000 đồng, từ ngày 26/02/2023 đến nay bị đơn không tiếp tục thanh toán nữa. Do đó, căn cứ Điều 8 bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147485 ngày 19/12/2022 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N1 thanh toán tiền nợ gốc 20.612.505 đồng cho nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi trong hạn: 11.955.809 đồng, số tiền lãi quá hạn: 5.845.284 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.049.540 đồng.

Xét hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, lãi trong hạn được tính là số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ theo lãi suất trong hạn 48%/năm (Khoản 3.7 Điều 3); lãi quá hạn được theo lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (Khoản 8.3 Điều 3); lãi chậm trả được tính theo lãi suất 10%/năm (Khoản 8.3 Điều 3) là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư số 3V016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và điểm b Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/V019 của Thống đốc

Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi trong hạn: 11.955.809 đồng, số tiền lãi quá hạn: 5.845.284 đồng, số tiền lãi chậm trả: 1.049.540 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc bị đơn thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 27/V024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật:

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là hợp pháp nên chấp nhận, buộc bị đơn phải tiếp tục thanh toán lãi quá hạn đối với khoản nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147485 ngày 19/12/2022.

Mặt khác, trong vụ án này nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích N1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Bà Nguyễn Thị Bích N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.973.157 đồng.

Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí là 794.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0032464 ngày 10/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, Khoản 2 Điều 92, Điều 196, Điều 207, Điều 208, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 4, Điều 6, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Điều 1, Điều 22, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Luật Giao dịch điện tử năm 2005;

- Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 23, Điều 32c, Điều 32e Thông tư số 3V016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/V019 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam).

Buộc bà Nguyễn Thị Bích N1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) ngay khi số ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 39.463.138 đồng (Ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn một trăm ba mươi tám đồng), trong đó bao gồm các khoản sau:

Số tiền gốc: 20.612.505 đồng (Hai mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn năm trăm linh năm đồng).

Lãi trong hạn: 11.955.809 đồng (Mười một triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm linh chín đồng).

Lãi quá hạn: 5.845.284 đồng (Năm triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng).

Lãi chậm trả: 1.049.540 đồng (Một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Bích N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại bản Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4147485 ngày 19/12/2022.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn Thị Bích N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.973.157 đồng (Một triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn một trăm mười bảy đồng).

2.2. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 794.000 đồng (Bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M (Việt Nam) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032464 ngày 10/05/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CCTHADS quận Phú Nhuận;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Lê Ninh